

TÒA ÁN ND HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 68/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 04-8-2017

V/v Ly hôn giữa chị L1 và anh T1

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Chung

2. Ông Nguyễn Duy Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai-Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2017 về “L1 hôn, T chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn L1 L1, sinh năm 1991 “có đơn xin xét xử vắng mặt”

Địa chỉ: Xóm 2, xã N, huyện N2, tỉnh Nghệ An.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1988 “vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn T2, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/4/2017 và trong các lời khai, nguyên đơn chị Nguyễn L1 L1 trình bày:

Về hôn nhân: Chị đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Văn T1 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N2, tỉnh Nghệ An ngày 14/10/2011. Năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng trong quan điểm sống và làm ăn kinh tế hàng ngày. Vợ chồng đã cắt đứt mọi quan hệ tình cảm với nhau kể từ đó đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài do vậy chị thiết tha xin được L1 hôn với anh T1.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có con chung Nguyễn Thị Yến N3, sinh ngày 07/10/2012, hiện nay cháu đang ở với chị. Nếu vợ chồng L1 hôn chị xin được nuôi cháu N4, không yêu cầu anh T1 góp cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Vợ chồng không có gì nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Văn T1 là bị đơn có địa chỉ tại thôn T, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang đã được Tòa án giao, tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng hết thời hạn quy định anh T1 không có ý kiến, quan điểm và chứng cứ cung cấp, giao nộp cho Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung giao cho chị L1 nuôi cháu N3 vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét, giải quyết, về tài sản không đề nghị Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án nhân dân huyện L đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh Nguyễn Văn T1 thông qua anh Nguyễn Văn T4 anh trai anh T1 có cùng địa chỉ nhưng anh T1 vẫn không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai, hòa giải được. Tại phiên tòa hôm nay anh T1 vắng

mặt lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn L1 L1 vắng mặt và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy quyền lợi của chị L1 và anh T1 đã được đảm bảo theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân của chị Nguyễn L1 L1 và anh Nguyễn Văn T1 là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng trong cuộc sống hàng ngày. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Từ năm 2014, hai bên đã sống L1 thân. Nay chị L1 xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thiết tha xin được L1 hôn với anh T1. HĐXX thấy tình cảm vợ chồng giữa chị L1 và anh T1 đã căng thẳng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ cho chị L1 và anh T1 được L1 hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về nuôi con chung*: Chị L1 và anh T1 có con chung. Chị L1 xin nuôi con chung, không yêu cầu anh T1 góp cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T1 không trực tiếp nuôi con chung nên sau khi L1 hôn anh T1 được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh T1 thực hiện quyền này là phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về án phí*: Chị Nguyễn L1 L1 phải chịu án phí L1 hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn L1 L1 được L1 hôn với anh Nguyễn Văn T1.

2. *Về nuôi con chung*: Giao con chung Nguyễn Thị Yến N3, sinh ngày 07/10/2012, cho chị Nguyễn L1 L1 trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

3. *Án phí*: Chị Nguyễn L1 L1 phải chịu 300.000 đồng án phí L1 hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2010/001038 ngày 10/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện L;
- THADS huyện L;
- UBND xã N,
- huyện N2, tỉnh Nghệ An;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương